

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ XÂY DỰNG – CTCP
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

CHO KỶ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01/01/2019 ĐẾN 30/06/2019
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT



NỘI DUNG	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 04
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	05 - 06
Báo cáo tài chính tổng hợp đã được soát xét	
Bảng cân đối kế toán tổng hợp	07 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	10
Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp	11 - 29

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - CTCP (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019.

KHÁI QUÁT CHUNG

Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - CTCP tiền thân là Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - Công ty TNHH MTV, hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100106553 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29/11/2010, thay đổi lần thứ 05 ngày 08/11/2016. Tổng Công ty thực hiện cổ phần hóa và chuyển đổi sang hoạt động Công ty cổ phần theo Quyết định số 2368/QĐ-TTg ngày 23/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa và chuyển thành Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - CTCP và Quyết định số 863/QĐ-BXD ngày 01/09/2016 của Bộ Xây dựng về việc điều chỉnh quy mô và cơ cấu vốn điều lệ trong phương án cổ phần hóa.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 05 ngày 01/09/2016 là 238.500.000.000 đồng, tổng số cổ phần là 23.850.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần, trong đó:

	Số cổ phần	Số tiền tương ứng	Tỷ lệ/Vốn điều lệ
Vốn góp nhà nước (Bộ Xây dựng)	23.555.200	235.552.000.000	98,76 %
Vốn góp của cổ đông khác	294.800	2.948.000.000	1,24 %
	23.850.000	238.500.000.000	100 %

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại số 125D Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Tp Hà Nội.

Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Coma 1- Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng	Tổ dân phố 4, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội
Coma 15- Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng	Tầng 09 tòa nhà Coma, 125D Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội
Trung tâm Xuất nhập khẩu	Tầng 13 tòa nhà Coma, 125D Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội
Nhà máy Cơ khí Quang Minh	Lô 4 Khu công nghiệp Quang Minh, huyện Mê Linh, Tp. Hà Nội

Theo giấy đăng ký kinh doanh lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Tổng công ty là:

- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Rèn, dập, ép và cán kim loại, luyện bột kim loại;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản; Dịch vụ cho thuê nhà, văn phòng làm việc;

- Giáo dục nghề nghiệp. Chi tiết: Giáo dục nghề nghiệp; đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao tay nghề cho cán bộ, công nhân kỹ thuật các chuyên ngành cơ khí, xây dựng;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động. Chi tiết: Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Thẩm tra thiết kế, tư vấn đấu thầu và thiết kế, thi công xây lắp, cung ứng vật tư, thiết bị, quản lý dự án; Giám sát thi công xây dựng công trình đường bộ, lĩnh vực chuyên môn giám sát xây dựng và hoàn thiện.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm

Ông Lê Minh Hải (*)	Chủ tịch hội đồng quản trị	Miễn nhiệm ngày 20/06/2019
Ông Trịnh Nam Hải (**)	Phụ trách hội đồng quản trị	
Ông Dương Văn Hồng	Thành viên hội đồng quản trị	Bỏ nhiệm ngày 18/10/2016
Ông Phạm Việt Hùng	Thành viên hội đồng quản trị	Bỏ nhiệm ngày 18/10/2016
Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Thành viên hội đồng quản trị	Bỏ nhiệm ngày 18/10/2016

(*) Theo quyết định số 479/QĐ-BXD ngày 29/05/2019 của Bộ Xây dựng, Bộ Xây dựng chính thức miễn nhiệm người đại diện phần vốn Nhà nước tại Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng – CTCP đối với ông Lê Minh Hải kể từ ngày 01/06/2019 do đến tuổi nghỉ hưu.

(**) Theo nghị quyết số 32/NQ-HĐQT ngày 09/07/2019 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty về việc thống nhất giao nhiệm vụ phụ trách Hội đồng quản trị Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - CTCP kể từ ngày 05/07/2019 cho đến khi có quyết định của cơ quan có thẩm quyền về nhân sự giữ chức danh chủ tịch Hội đồng quản trị.

Các thành viên Ban Tổng giám đốc và kế toán trưởng bao gồm

Ông Dương Văn Hồng	Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 18/10/2016
Ông Trịnh Nam Hải	Phó Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 14/11/2016
Ông Nguyễn Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 14/11/2016
Ông Phạm Việt Hùng	Phó Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 14/11/2016
Ông Vũ Xuân Thắng	Phó Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 14/11/2016
Ông Lê Thế Thùy	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 23/04/2019
Ông Vũ Quang Hào	Phụ trách kế toán	Bỏ nhiệm ngày 10/04/2019

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm

Bà Trần Thanh Vân	Trưởng ban	Bỏ nhiệm ngày 18/10/2016
Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 18/10/2016
Ông Vũ Đức Đại	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 18/10/2016

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 của Tổng Công ty được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA) - đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán theo quy định của Bộ Tài chính và Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp của Tổng Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính tổng hợp, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Hà Nội, ngày 01 tháng 10 năm 2019

KT **TM BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**



Vũ Xuân Thắng

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - CTCP

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - CTCP, được lập ngày 01/10/2019, từ trang 07 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 30/06/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - CTCP chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Tổng Công ty chưa thực hiện nghiệm thu thanh toán cho một số nhà thầu nhà cung cấp của công trình thủy điện Alin B1 và công trình chống ngập tại cống Phú Định Thành phố HCM nên chi tiêu chi phí sản xuất dở dang tại ngày 30/6/2019 chưa phản ánh hợp lý chi phí sản xuất dở dang của các công trình này (chi tiết tại thuyết minh số V.6). Với các bằng chứng đã thu thập được chúng tôi cũng không thể xác định được giá trị cần ghi nhận tăng cho chi phí dở dang của các công trình này là bao nhiêu, theo đó chúng tôi không đưa ra kết luận về chi tiêu này trên Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng công ty tại ngày 30/06/2019.

Tổng Công ty chưa đánh giá tổn thất cho giá trị chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của một số công trình chậm quyết toán với giá trị hơn 9,68 tỷ đồng (xem chi tiết tại thuyết minh V.9). Với các bằng chứng hiện có, chúng tôi cũng không thể đưa ra được các điều chỉnh (nếu cần) liên quan đến giá trị của khoản chi phí sản xuất kinh doanh dở dang này.

Tính đến thời điểm 31/12/2018, Tổng công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng theo tuổi nợ mà thực hiện trích lập dự phòng theo đánh giá khả năng thu hồi nhưng chưa cung cấp được bằng chứng cho khả năng thu hồi này (chi tiết tại thuyết minh số V.5). Nếu thực hiện trích dự phòng theo tuổi nợ thì số dư chi tiêu Dự phòng phải thu khó đòi và khoản lỗ lũy kế trên bảng cân đối kế toán sẽ tăng thêm cùng một giá trị là 54.901.691.707 đồng tại thời điểm 31/12/2018 và 30/6/2019.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn “cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/06/2019, và kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc về vấn đề tại thuyết minh IV.1 Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần từ ngày 08/11/2016. Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2019 chưa bao gồm các điều chỉnh liên quan đến quyết toán cổ phần hóa do Tổng công ty chưa nhận được phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty Cổ phần từ các cơ quan có thẩm quyền.

Tại ngày 30/6/2019, số lỗ lũy kế trên báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - CTCP (Tổng Công ty) là hơn 213,044 tỷ đồng, tài sản ngắn hạn của Tổng Công ty nhỏ hơn nợ ngắn hạn khoảng 217,652 tỷ đồng. Ngày 12/7/2019 Cục thuế thành phố Hà Nội đã ra Quyết định số 54656/QĐ-CT-QLN về việc áp dụng cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng đối với Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - CTCP. Đến thời điểm hiện tại thì việc cưỡng chế này vẫn đang được thi hành. Những yếu tố này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán bởi một Công ty kiểm toán độc lập khác với Báo cáo kiểm toán phát hành ngày 24/06/2019 đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ về việc chưa trích đủ dự phòng nợ phải thu khó đòi và một số khoản công nợ chưa có đối chiếu tại ngày 31/12/2018.



TÔNG THỊ BÍCH LAN

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHNKT số 0060-2018-126-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 01 tháng 10 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			30/06/2019	01/01/2019
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		271.652.416.387	335.020.920.368
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	5.424.983.618	8.310.181.767
1. Tiền	111		5.424.983.618	8.310.181.767
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		230.831.992.856	245.681.154.859
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	169.698.654.336	182.936.651.306
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	13.666.188.164	13.936.835.011
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	180.763.335.913	184.407.369.267
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.5	(133.375.947.218)	(135.679.462.386)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		79.761.661	79.761.661
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	34.088.400.897	75.978.790.990
1. Hàng tồn kho	141		34.088.400.897	75.978.790.990
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.307.039.016	5.050.792.752
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11	64.982.335	91.335.057
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.225.560.539	4.615.020.972
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	16.496.142	344.436.723
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		256.107.476.070	251.249.739.006
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		99.473.723.747	103.579.259.085
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	99.473.723.747	103.579.259.085
- Nguyên giá	222		178.917.365.796	178.917.365.796
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(79.443.642.049)	(75.338.106.711)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	-	-
- Nguyên giá	228		158.450.000	158.450.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(158.450.000)	(158.450.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.9	9.880.819.162	191.052.531
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		9.689.766.631	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		191.052.531	191.052.531
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.10	144.899.929.152	144.899.929.152
1. Đầu tư vào công ty con	251		119.549.258.805	119.549.258.805
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		12.880.647.106	12.880.647.106
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		20.902.858.682	20.902.858.682
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(8.432.835.441)	(8.432.835.441)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.853.004.009	2.579.498.238
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	1.853.004.009	2.579.498.238
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		527.759.892.457	586.270.659.374

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019
(Tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			30/06/2019	01/01/2019
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		489.483.342.342	549.591.328.533
I. Nợ ngắn hạn	310		488.522.577.042	548.620.020.505
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	82.057.820.526	84.068.825.619
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	6.834.352.779	41.585.312.378
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	103.614.208.240	106.757.853.122
4. Phải trả người lao động	314		3.049.417.443	9.178.159.258
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	48.335.450.955	48.250.741.058
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		545.454.543	545.454.544
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	199.057.896.076	203.260.343.364
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	45.027.976.480	54.973.331.162
II. Nợ dài hạn	330		960.765.300	971.308.028
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		960.765.300	971.308.028
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		38.276.550.115	36.679.330.841
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	35.399.942.793	33.802.723.519
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		238.500.000.000	238.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		238.500.000.000	238.500.000.000
2. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		9.944.733.314	9.944.733.314
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(213.044.790.521)	(214.642.009.795)
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(212.338.494.627)	(51.516.107.608)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(706.295.894)	(163.125.902.187)
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		2.876.607.322	2.876.607.322
1. Nguồn kinh phí	431		2.876.607.322	2.876.607.322
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		527.759.892.457	586.270.659.374

Ghi chú: Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ()

Hà Nội, ngày 01 tháng 10 năm 2019

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Tổng Giám đốc





Kiều Thị Nguyệt Nga

Vũ Quang Hào

Vũ Xuân Thắng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊM ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			Quý II năm 2019	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	52.386.097.523	65.098.903.677
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		52.386.097.523	65.098.903.677
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	46.695.439.527	51.355.528.418
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5.690.657.996	13.743.375.259
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	822.111.022	824.887.899
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.325.000.654	2.556.991.654
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.325.000.654	2.556.991.654
8. Chi phí bán hàng	25		56.503.637	92.664.974
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	7.444.497.806	12.982.071.408
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(2.313.233.079)	(1.063.464.878)
11. Thu nhập khác	31		835.890.956	2.108.456.555
12. Chi phí khác	32		718.118.418	1.751.287.571
13. Lợi nhuận khác	40		117.772.538	357.168.984
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(2.195.460.541)	(706.295.894)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(2.195.460.541)	(706.295.894)

Hà Nội, ngày 01 tháng 10 năm 2019

Người lập biểu

Kiều Thị Nguyệt Nga

Phụ trách kế toán

Vũ Quang Hào

Tổng Giám đốc



Vũ Xuân Thắng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

Theo phương pháp gián tiếp

Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị tính: đồng Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(706.295.894)
2. Điều chỉnh cho các khoản		
- Khấu hao tài sản cố định	02	4.105.535.338
- Các khoản dự phòng	03	(2.303.515.168)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(556.644.603)
- Chi phí lãi vay	06	2.556.991.654
- Các khoản điều chỉnh khác	07	2.303.515.168
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	5.399.586.495
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	21.112.510.143
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	32.200.623.462
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(51.235.303.602)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	752.846.951
- Tiền lãi vay đã trả	14	(1.473.776.832)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	6.756.486.617
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
1. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	175.264.603
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	175.264.603
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
1. Tiền thu từ đi vay	33	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(9.945.354.682)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(9.945.354.682)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(3.013.603.462)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	8.310.181.767
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	128.405.313
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.424.983.618

Người lập biểu

Kiều Thị Nguyệt Nga

Phụ trách kế toán

Vũ Quang Hào

Hà Nội, ngày 01 tháng 10 năm 2019

Tổng Giám đốc



Vũ Xuân Thắng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - CTCP tiền thân là Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - Công ty TNHH MTV, hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100106553 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29/11/2010, thay đổi lần thứ 05 ngày 08/11/2016. Tổng Công ty thực hiện cổ phần hóa và chuyển đổi sang hoạt động Công ty cổ phần theo Quyết định số 2368/QĐ-TTg ngày 23/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa và chuyển thành Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - CTCP và Quyết định số 863/QĐ-BXD ngày 01/09/2016 của Bộ Xây dựng về việc điều chỉnh quy mô và cơ cấu vốn điều lệ trong phương án cổ phần hóa.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 05 ngày 01/09/2016 là 238.500.000.000 đồng, tổng số cổ phần là 23.850.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần, trong đó:

	Số cổ phần	Số tiền tương ứng	Tỷ lệ/Vốn điều lệ
Vốn góp nhà nước (Bộ Xây dựng)	23.555.200	235.552.000.000	98,76 %
Vốn góp của cổ đông khác	294.800	2.948.000.000	1,24 %
	23.850.000	238.500.000.000	100 %

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại số 125D Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Coma 1- Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng	Tổ dân phố 4, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội
Coma 15- Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng	Tầng 09 tòa nhà Coma, 125D Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội
Trung tâm Xuất nhập khẩu	Tầng 13 tòa nhà Coma, 125D Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội
Nhà máy Cơ khí Quang Minh	Lô 4 Khu công nghiệp Quang Minh, huyện Mê Linh, Tp. Hà Nội

2. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Tổng Công ty là:

- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Rèn, dập, ép và cán kim loại, luyện bột kim loại;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản; Dịch vụ cho thuê nhà, văn phòng làm việc;
- Giáo dục nghề nghiệp. Chi tiết: Giáo dục nghề nghiệp; đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao tay nghề cho cán bộ, công nhân kỹ thuật các chuyên ngành cơ khí, xây dựng;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động. Chi tiết: Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Thẩm tra thiết kế, tư vấn đấu thầu và thiết kế, thi công xây lắp, cung ứng vật tư, thiết bị, quản lý dự án; Giám sát thi công xây dựng công trình đường bộ, lĩnh vực chuyên môn giám sát xây dựng và hoàn thiện.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (đồng).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 53/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Cơ sở lập báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Các khoản công nợ nội bộ, doanh thu và giá vốn giữa các đơn vị trực thuộc đã được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Quyết toán cổ phần hóa

Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần từ ngày 08/11/2016. Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2019 chưa bao gồm các điều chỉnh liên quan đến quyết toán cổ phần hóa do Tổng công ty chưa nhận được phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty Cổ phần từ các cơ quan có thẩm quyền.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được

quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố vào lập báo cáo tài chính.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào Công ty con

Công ty con là các Công ty do Tổng Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Đầu tư vào Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Tổng công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của Công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty liên kết là một Công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là Công ty con hay Công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Tổng Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Tổng Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Tổng Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, Công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, Công ty liên kết được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc, trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;

Giá xuất hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền;

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên;

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc kế toán TSCĐ hữu hình, vô hình

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại;

Các tài sản cố định hữu hình hình thành trước thời điểm ngày 30/06/2014 được đánh giá lại khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp 100% vốn nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định. Giá trị còn lại của các tài sản này được khấu hao theo thời gian sử dụng còn lại của tài sản.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	02 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	02 - 11 năm
- Phương tiện vận tải	03 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 08 năm

7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính;

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Tiêu chí phân loại các khoản phải trả

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản. Khoản phải trả bao gồm các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
 - Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả giữa Công ty là đơn vị cấp trên và các xí nghiệp, chi nhánh là đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
 - Phải trả khác là các khoản phải trả còn lại không được phân loại là phải trả khách hàng, phải trả nội bộ.
- Khoản phải trả được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng, từng nội dung phải trả, theo dõi chi tiết kỳ hạn trả, theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Các khoản phải trả có thời gian đáo hạn còn lại dưới 12 tháng (dưới một chu kỳ sản xuất kinh doanh) tại thời điểm lập BCTC thì được phân loại là nợ ngắn hạn; các khoản phải trả còn lại không được phân loại là nợ ngắn hạn thì được phân loại là nợ dài hạn. Khi lập BCTC, các khoản phải trả được tái phân loại lại theo nguyên tắc này.

Công ty thực hiện đánh giá lại các khoản phải trả người bán có gốc ngoại tệ tại tất cả các thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại khoản phải trả người bán là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, hoặc nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Công ty sẽ ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất chắc chắn xảy ra, theo đúng nguyên tắc thận trọng.

Nợ phải trả không được ghi nhận thấp hơn giá trị nghĩa vụ phải thanh toán.

Dự phòng nợ phải trả được lập tại thời điểm lập BCTC theo đúng qui định hiện hành.

9. Nguyên tắc kế toán vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản vay được ghi sổ theo từng lần giải ngân và trả nợ. Giá trị khoản nợ thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê còn phải trả tại thời điểm lập BCTC.

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được hạch toán chi tiết và theo dõi từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ, từng loại tài sản vay nợ, kỳ hạn vay nợ và đồng tiền vay nợ

Khi lập BCTC số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng nơi Công ty có giao dịch vay, thuê tài chính.

10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Tỷ lệ vốn hóa chi phí đi vay trong kỳ là 0%.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi có đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận được phân phối cho các chủ sở hữu theo nghị quyết hàng năm của đại hội đồng cổ đông.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
 - Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

14. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Khi ghi nhận một khoản doanh thu, thì sẽ đồng thời ghi nhận một khoản chi phí (giá vốn) tương ứng có liên quan đến việc tạo ra khoản doanh thu đó. Chi phí này gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

16. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý

Chi phí quản lý phản ánh toàn bộ chi phí chung của Công ty như: lương và các khoản bảo hiểm của nhân viên quản lý Công ty, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài phục vụ khối quản lý Công ty.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành;

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp;

18. Các bên liên quan

Các bên được xem là có liên quan đến một bên phát sinh các mối quan hệ trực tiếp hay gián tiếp, để kiểm soát các bên khác hoặc có khả năng gây ảnh hưởng đáng kể đến các bên liên quan nếu có mối quan hệ kiểm soát thường xuyên hoặc có thể gây ảnh hưởng đáng kể. Nghiệp vụ với các bên liên quan được Công ty trình bày trong thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

		Đơn vị tính: đồng		
		30/06/2019	01/01/2019	
1. Tiền và các khoản tương đương tiền				
- Tiền mặt		1.742.478.090	1.514.916.886	
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		3.682.505.528	6.795.264.881	
Cộng		5.424.983.618	8.310.181.767	
2. Phải thu khách hàng				
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn		167.422.543.904	180.282.623.077	
- Tổng thầu (EPC) dự án nhà máy xi măng Đồng Bành		34.472.561.394	34.472.561.394	
- Công ty Cổ phần Phát triển thương mại Việt Nam		16.228.493.386	20.228.493.386	
- Các khách hàng khác		116.721.489.124	125.581.568.297	
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan		2.276.110.432	2.654.028.229	
- Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng số 2 Hà Bắc		160.756.159	534.863.155	
- Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Sông Chu		1.088.118.590	1.088.118.590	
- Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Lắp máy điện nước (Comael)		54.704.750	54.704.750	
- Công ty TNHH MTV Xây lắp và Kinh doanh Vật tư thiết bị số 27		972.530.933	972.530.933	
- Công ty liên doanh đồng hồ nước Zenner-Coma		-	3.810.801	
Cộng		169.698.654.336	182.936.651.306	
3. Trả trước cho người bán				
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn		13.656.188.164	13.926.835.011	
- Công ty Cổ phần Cơ khí Xây lắp điện và Phát triển Hạ tầng		3.468.145.328	3.468.145.328	
- Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Coma 25		4.079.263.824	4.079.263.824	
- Trả trước cho người bán khác		6.108.779.012	6.379.425.859	
b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan		10.000.000	10.000.000	
- Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Sông Chu		10.000.000	10.000.000	
Cộng		13.666.188.164	13.936.835.011	
4. Phải thu khác				
		30/06/2019	01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	180.763.335.913	64.467.682.946	184.407.369.267	64.467.682.946
- Phải thu khác	166.340.748.855	64.467.682.946	169.636.066.240	64.467.682.946
+ Công ty CP Cơ khí và Xây lắp số 7	40.793.667.708	-	40.793.667.708	-
+ Công ty Cổ phần Cơ khí và Lắp máy điện nước số 3	41.882.768.212	40.176.236.955	41.882.768.212	40.176.236.955
+ Công ty Cổ phần Cơ khí Xây lắp điện và Phát triển Hạ tầng	22.945.227.969	13.693.342.689	22.945.227.969	13.693.342.689
+ Công ty Cổ phần Khóa Minh Khai	16.901.306.805	-	15.818.626.283	-
+ Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Lắp máy điện nước	19.199.439.802	10.598.103.302	18.901.819.160	10.598.103.302
+ Sở Tài Chính Hà Nội - đặt cọc sử dụng khu đô thị	7.636.000.000	-	7.636.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại Coma 25	5.469.900.451	-	5.576.900.451	-
+ Phải thu khác	11.512.437.908	-	16.081.056.457	-
- Tạm ứng	13.245.572.113	-	13.475.301.553	-
- Cầm cố, ký quỹ ký cược	1.177.014.945	-	1.296.001.474	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	180.763.335.913	64.467.682.946	184.407.369.267	64.467.682.946

5. Nợ xấu

a) Dự phòng theo tuổi nợ

	Giá gốc	30/06/2019 Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	01/01/2019 Giá trị có thể thu hồi
- Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán				
+ Tổng thầu (EPC) dự án Nhà máy Xi măng Đồng Bành	34.472.561.394	-	34.472.561.394	-
+ Công ty Cổ phần Xây dựng và lắp máy điện nước số 3	40.176.236.955	-	40.176.236.955	-
+ Phải thu các tổ chức và các cá nhân khác	83.948.088.425	25.220.939.556	87.238.824.379	26.208.160.342
- Các khoản tiền phạt, phải thu về lãi trả chậm...phát sinh từ các khoản nợ quá hạn nhưng không được ghi nhận doanh thu.	-	-	-	-
Cộng	158.596.886.774	25.220.939.556	161.887.622.728	26.208.160.342

b) Dự phòng theo khả năng thu hồi

	Giá gốc	30/06/2019 Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	01/01/2019 Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng số 7	39.969.235.290	39.969.235.290	39.969.235.290	39.969.235.290
Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại (Coma 25)	9.656.164.275	9.656.164.275	9.656.164.275	9.656.164.275
Các đối tượng khác	5.276.292.142	5.276.292.142	5.276.292.142	5.276.292.142
Cộng	54.901.691.707	54.901.691.707	54.901.691.707	54.901.691.707

6. Hàng tồn kho

	Giá gốc	30/06/2019 Dự phòng	Giá gốc	01/01/2019 Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	441.981.721	-	416.794.779	-
- Công cụ, dụng cụ	108.086.590	-	117.498.188	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang ^(*)	23.337.206.253	-	65.243.371.690	-
- Hàng hóa bất động sản ^(**)	10.201.126.333	-	10.201.126.333	-
Cộng	34.088.400.897	-	75.978.790.990	-

^(*) Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh của các công trình như sau:

- Dự án thủy điện Alin B1	4.190.851.744	đồng
- Dự án chống ngập Phú Định thành phố HCM	0	đồng
- Dự án cầu vượt KCN Yên Phong	1.639.532.197	đồng
- Dự án cầu An Dương	1.911.117.822	đồng
- Công trình thủy điện Sông Tranh	1.763.893.915	đồng
- Dự án Thủy điện Bảo Lạc, Long Tạo	1.323.506.231	đồng
- Dự án nút giao thông cầu vượt An Dương	2.722.439.957	đồng
- Dự án nhà ga Cát Linh Hà Đông	1.408.248.900	đồng
- Các công trình khác	8.377.615.487	đồng
- Tổng cộng	23.337.206.253	đồng

^(**) Là giá trị 02 căn hộ tại tòa nhà Westa, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội và 01 căn liền kề tại dự án Skylight Minh Khai. Hai căn hộ tại tòa nhà Westa chưa có giấy chứng nhận quyền sở hữu.

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị DCQL	Cộng
Nguyên giá TSCĐ					
Số dư đầu kỳ	146.503.867.919	13.020.029.228	10.220.146.533	9.173.322.116	178.917.365.796
Số tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	146.503.867.919	13.020.029.228	10.220.146.533	9.173.322.116	178.917.365.796
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	48.057.518.748	9.850.497.657	8.469.955.033	8.960.135.273	75.338.106.711
Số tăng trong kỳ	3.091.239.966	454.260.223	361.888.407	198.146.742	4.105.535.338
- <i>Khấu hao trong kỳ</i>	3.091.239.966	454.260.223	361.888.407	198.146.742	4.105.535.338
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	51.148.758.714	10.304.757.880	8.831.843.440	9.158.282.015	79.443.642.049
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	98.446.349.171	3.169.531.571	1.750.191.500	213.186.843	103.579.259.085
Tại ngày cuối kỳ	95.355.109.205	2.715.271.348	1.388.303.093	15.040.101	99.473.723.747

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 34.127.601.191 đồng
 - Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 16.063.472.065 đồng

8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là phần mềm quản lý đã khấu hao hết giá trị

9. Tài sản dở dang dài hạn

	Giá gốc	30/06/2019 Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	01/01/2019 Giá trị có thể thu hồi
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn ^(*)	9.689.766.631	-	-	-
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	191.052.531	191.052.531	191.052.531	191.052.531
+ Công trình dự án 11E6 Phạm Hùng	191.052.531	191.052.531	191.052.531	191.052.531
Cộng	9.880.819.162	191.052.531	191.052.531	191.052.531

(*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn là các công trình tồn đọng được phân loại từ chi phí sản xuất kinh doanh dở dang ngắn hạn và Tổng Công ty chưa xác định được giá trị có thể thu hồi tại ngày 30/06/2019. Chi tiết:

Công trình	Số tiền
- Dự án xây dựng tuyến đường lên tượng đài Thánh Gióng	2.497.987.927
- Dự án Nhiệt điện Hồng Sa	3.322.678.848
- Công trình Thủy điện Nậm Cắn 2	267.166.200
- Dự án trường Đại học thể dục thể thao Bắc Ninh	148.632.091
- Dự án nút giao thông Long Biên - Hà Nội	2.664.735.573
- Dự án cầu Bắc Thăng Long - Nội Bài	788.565.992
Tổng cộng	9.689.766.631

10. Đầu tư tài chính dài hạn	Giá gốc	30/06/2019		01/01/2019	
		Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc
a) Đầu tư vào Công ty con	119.549.258.805	7.822.984.050	119.549.258.805	7.822.984.050	
Công ty CP Cơ khí Xây dựng số 2 Hà Bắc (Coma 2)	14.475.873.012	-	14.475.873.012	-	
Công ty CP Cơ khí và Xây lắp Thái Bình (Coma 16)	3.633.663.558	-	3.633.663.558	-	
Công ty CP Cơ khí và Xây lắp Sông Chu (Coma 17)	8.492.821.032	-	8.492.821.032	-	
Công ty CP Khóa Minh Khai	82.146.668.546	-	82.146.668.546	-	
Công ty CP Cơ khí Xây dựng và Lắp máy điện nước (Comael)	5.669.250.000	5.669.250.000	5.669.250.000	5.669.250.000	
Công ty TNHH MTV Xây lắp và kinh doanh Vật tư Thiết bị số 27	202.007.497	202.007.497	202.007.497	202.007.497	
Công ty TNHH MTV Sản xuất - XNK và Dịch vụ phát triển Nông thôn	4.928.975.160	1.951.726.553	4.928.975.160	1.951.726.553	
b) Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	12.880.647.106	-	12.880.647.106	-	
Công ty Liên doanh Đồng hồ nước Zenner-Coma	1.836.527.663	-	1.836.527.663	-	
Công ty CP Cơ khí và Đầu tư Xây dựng số 9	11.044.119.443	-	11.044.119.443	-	
c) Đầu tư vào đơn vị khác	20.902.858.682	609.851.391	20.902.858.682	609.851.391	
Công ty CP Coma Đầu tư kinh doanh Bất động sản (Comare)	562.478.011	562.478.011	562.478.011	562.478.011	
Công ty CP Cơ khí Xây dựng số 10	500.000.000	-	500.000.000	-	
Công ty CP Thủy điện Hương Sơn	1.107.569.300	-	1.107.569.300	-	
Công ty CP Cơ khí Xây dựng số 5	748.442.503	-	748.442.503	-	
Công ty CP Cơ khí Xây dựng Đại Mỗ	7.246.146.943	-	7.246.146.943	-	
Công ty CP Tư vấn Xây dựng và Phát triển Cơ khí	500.000.000	47.373.380	500.000.000	47.373.380	
Công ty CP Xây lắp và Thương mại Coma 25	10.238.221.925	-	10.238.221.925	-	
Cộng	153.332.764.593	8.432.835.441	153.332.764.593	8.432.835.441	

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Hương Sơn được xác định theo giá trị niêm yết tại ngày 30/06/2019 là 1.248.859.500 đồng. Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán không có giá niêm yết do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

10. Đầu tư tài chính dài hạn (tiếp theo)

Danh sách các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết quan trọng

Tên Công ty	Mối quan hệ	Vốn điều lệ	Vốn góp theo mệnh giá đến 30/6/2019	Tỷ lệ vốn thực góp
Công ty CP Cơ khí Xây dựng số 2 Hà Bắc	Công ty con	17.122.460.000	8.797.500.000	51,38%
Công ty CP Cơ khí và Xây lắp Thái Bình	Công ty con	6.000.000.000	3.216.420.000	53,61%
Công ty CP Cơ khí và Xây lắp Sông Chu	Công ty con	13.938.000.000	7.162.738.200	51,39%
Công ty Cổ phần Khóa Minh Khai	Công ty con	6.600.000.000	4.453.020.000	67,47%
Công ty CP Cơ khí Xây dựng và Lắp máy điện nước (Comael)	Công ty con	11.000.000.000	5.669.400.000	51,54%
Công ty TNHH MTV Xây lắp và Kinh doanh Vật tư Thiết bị số 27 (*)	Công ty con	12.938.190.118	12.938.190.118	100,00%
Công ty TNHH MTV Sản xuất - XNK và Dịch vụ phát triển Nông thôn (*)	Công ty con	127.295.272	127.295.272	100,00%
Công ty Liên doanh Đồng hồ nước Zenner-Coma	Công ty liên doanh	2.998.125.337	929.418.854	31,00%
Công ty CP Cơ khí và Đầu tư Xây dựng số 9	Công ty liên kết	45.000.000.000	9.000.000.000	20,00%

(*) Vốn góp được lấy theo Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán, chưa điều chỉnh theo vốn góp của Công ty mẹ.

11. Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2019	01/01/2019
a) Ngắn hạn	64.982.335	91.335.057
- Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	64.982.335	91.335.057
b) Dài hạn	1.853.004.009	2.579.498.238
- Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	148.253.918	146.186.919
- Chi phí sửa chữa	45.105.371	260.348.719
- Chi phí thương hiệu	348.207.489	696.414.978
- Chi phí thuê cơ sở hạ tầng khu công nghiệp	1.134.000.000	1.200.000.000
- Các chi phí trả trước dài hạn khác	177.437.231	276.547.622
Cộng	1.917.986.344	2.670.833.295

12. Phải trả người bán

	30/06/2019	01/01/2019
a) Phải trả người bán ngắn hạn	42.665.015.306	46.115.921.793
- Phải trả người bán ngắn hạn khác	42.665.015.306	46.115.921.793
b) Phải trả người bán là các bên liên quan	39.392.805.220	37.952.903.826
- Công ty CP Cơ khí Xây dựng số 2 Hà Bắc	21.705.169.541	20.346.921.872
- Công ty CP Cơ khí và Xây lắp Thái Bình	8.320.426.287	8.418.029.561
- Công ty CP Cơ khí và Xây lắp Sông Chu	862.991.481	683.734.482
- Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Lắp máy điện nước	7.811.613.492	7.811.613.492
- Công ty TNHH MTV Xây lắp và Kinh doanh vật tư Thiết bị số 27	692.604.419	692.604.419
Cộng	82.057.820.526	84.068.825.619

13. Người mua trả tiền trước

	30/06/2019	01/01/2019
a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn	6.807.740.247	41.585.312.378
- Công ty TNHH Trung Nam BT 1547	-	35.114.865.000
- Nhà hát ca múa nhạc Việt Nam - Gói thầu số 3	625.000.000	625.000.000
- Công ty CP Tập đoàn Green Diamond Việt Nam	965.000.001	765.000.001
- Các đối tượng khác	5.217.740.246	5.080.447.377
b) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	26.612.532	-
- Công ty CP Cơ khí Xây dựng số 2 Hà Bắc	26.612.532	-
Cộng	6.834.352.779	41.585.312.378

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	01/01/2019	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2019
a) Phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	43.776.140.846	746.871.828	840.802.021	43.682.210.653
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	195.947.095	-	-	195.947.095
- Thuế thu nhập cá nhân	176.398.074	40.744.124	44.187.547	172.954.651
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	8.515.925.321	977.221.999	-	9.493.147.320
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	54.093.441.786	1.238.119.398	5.261.612.663	50.069.948.521
Cộng	106.757.853.122	3.002.957.349	6.146.602.231	103.614.208.240
b) Phải thu				
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	327.940.581	327.940.581	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	10.613.473	-	-	10.613.473
- Thuế thu nhập cá nhân	5.882.669	-	-	5.882.669
Cộng	344.436.723	327.940.581	-	16.496.142

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn	30/06/2019	01/01/2019
- Trích trước chi phí lãi vay	3.467.839.598	2.835.219.776
- Trích trước chi phí dự án tòa nhà Skylight	34.342.201.893	34.342.201.893
- Trích trước chi phí các công trình	10.265.409.464	10.813.319.389
- Trích trước chi phí khác	260.000.000	260.000.000
Cộng	48.335.450.955	48.250.741.058
16. Phải trả khác ngắn hạn khác	30/06/2019	01/01/2019
- Kinh phí công đoàn	914.391.265	890.352.677
- Các khoản bảo hiểm phải nộp	7.545.343.764	7.904.501.789
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	100.000.000	100.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	190.498.161.047	194.365.488.898
+ Công ty CP Khóa Minh Khai (lợi nhuận dự án Skylight) (*)	97.704.013.510	97.704.013.510
+ Lợi nhuận phải trả thành phố - dự án Skylight (*)	49.466.065.630	49.466.065.630
+ Phí bảo trì chung cư Skylight	15.765.127.401	17.178.894.901
+ Huy động vốn mua nhà liền kề	2.677.500.000	2.677.500.000
+ Huy động vốn mua cổ phần xi măng Đồng Bành	5.053.000.000	5.053.000.000
+ Huy động vốn Thủy điện Hương Sơn	560.000.000	560.000.000
+ Tiền lãi phải trả huy động vốn cá nhân	1.528.152.000	1.077.557.000
+ Phải trả, phải nộp khác	17.744.302.506	20.648.457.857
Cộng	199.057.896.076	203.260.343.364

(*) Là khoản phân chia lợi nhuận dự án "khu nhà ở cao cấp Skylight" theo nghị quyết số 31/NQ-HĐTV ngày 06/05/2015 của Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - CTCP về việc phê duyệt điều chỉnh phân phối lợi nhuận 06 tháng đầu năm 2014 của Tổng Công ty và Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng. Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, dự án Skylight vẫn chưa có phê duyệt quyết toán chính thức và chưa thống nhất được với thành phố về đơn giá tiền sử dụng đất.

17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	30/06/2019	Trong năm		01/01/2019
		Tăng	Giảm	
+ Vay ngắn hạn ngân hàng	28.110.494.890	-	9.685.354.682	37.795.849.572
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch I ⁽¹⁾	16.479.765.215	-	1.216.646.795	17.696.412.010
- Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Hai Bà Trưng ⁽²⁾	11.630.729.675	-	8.468.707.887	20.099.437.562
+ Vay ngắn hạn các bên liên quan	6.790.000.000	-	160.000.000	6.950.000.000
- Bộ Xây dựng ⁽⁴⁾	5.200.000.000	-	-	5.200.000.000
- Ông Dương Văn Hồng ⁽³⁾	100.000.000	-	-	100.000.000
- Ông Vũ Xuân Thắng ⁽³⁾	740.000.000	-	160.000.000	900.000.000
- Ông Trịnh Nam Hải ⁽³⁾	500.000.000	-	-	500.000.000
- Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung ⁽³⁾	250.000.000	-	-	250.000.000
+ Vay ngắn hạn khác	10.127.481.590	-	100.000.000	10.227.481.590
- Vay ngắn hạn cá nhân khác ⁽³⁾	10.127.481.590	-	100.000.000	10.227.481.590
Cộng	45.027.976.480	-	9.945.354.682	54.973.331.162

(1) Vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sở Giao dịch I theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2017/502/HĐTDHM ngày 14/09/2017 để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất thả nổi, thời hạn cấp hạn mức 12 tháng. Khoản vay này được bảo đảm bằng việc thế chấp tài sản gắn liền với đất và nhà xưởng sản xuất tại địa chỉ Lô số 04, KCN Quang Minh, Thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội và 04 xe ô tô thuộc sở hữu của Tổng Công ty. Khoản vay này đã quá hạn thanh toán do Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng gặp khó khăn về tài chính.

(2) Vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Hai Bà Trưng theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 13084.17.065.19339.TD ngày 14/07/2017 để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động xây lắp, cơ khí chế tạo với lãi suất thả nổi, thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai, cụ thể là công trình nhà điều hành sản xuất, giới thiệu sản phẩm và văn phòng làm việc đã hình thành nhưng chưa làm thủ tục đăng ký quyền sở hữu của bên thế chấp tại địa chỉ số 125D Minh Khai, phường Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội. Khoản vay này đã quá hạn thanh toán do Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - CTCP gặp khó khăn về tài chính.

(3) Vay ngắn hạn các cá nhân để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 8,5%/năm, thời gian vay từ 03 tháng đến 06 tháng và được tự động gia hạn. Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

(4) Vay quỹ Khoa học Công nghệ Bộ Xây dựng phát sinh từ năm 1995 để triển khai các dự án tại thời điểm phát sinh khoản vay.

18. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	LNST chưa phân phối và các quỹ	Cộng
Số dư đầu năm trước	238.500.000.000	9.944.733.314	(51.516.107.608)	196.928.625.706
Tăng vốn năm trước	-	-	(163.125.902.187)	(163.125.902.187)
- Lãi trong năm trước	-	-	(163.125.902.187)	(163.125.902.187)
Giảm vốn năm trước	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	238.500.000.000	9.944.733.314	(214.642.009.795)	33.802.723.519
Tăng vốn trong kỳ	-	-	1.597.219.274	1.597.219.274
- Lãi trong kỳ	-	-	(706.295.894)	295.613.748
- Tăng khác ^(*)	-	-	2.303.515.168	2.303.515.168
Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	238.500.000.000	9.944.733.314	(213.044.790.521)	35.399.942.793

(*) Tăng khác do điều chỉnh lại bút toán trích lập dự phòng giữa văn phòng Tổng Công ty và Coma 1 - Chi nhánh Tổng Công ty đã trích lập trước ngày 01/01/2019.

	30/06/2019	01/01/2019
b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu		
- Vốn góp của Nhà nước (Bộ Xây dựng)	235.552.000.000	235.552.000.000
- Vốn góp của các cổ đông khác	2.948.000.000	2.948.000.000
Cộng	238.500.000.000	238.500.000.000
c) Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức		
+ Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	238.500.000.000	238.500.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	238.500.000.000	238.500.000.000
d) Cổ phiếu	30/06/2019	01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	23.850.000	23.850.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	23.850.000	23.850.000
- Cổ phiếu phổ thông	23.850.000	23.850.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	23.850.000	23.850.000
- Cổ phiếu phổ thông	23.850.000	23.850.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/1 cổ phiếu		

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Đơn vị tính: đồng
1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019
- Doanh thu hoạt động xây lắp	47.938.765.106
- Doanh thu kinh doanh dịch vụ và khác	17.160.138.571
Cộng	65.098.903.677
2. Giá vốn hàng bán	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019
- Giá vốn hoạt động xây lắp	43.287.575.068
- Giá vốn kinh doanh dịch vụ	8.067.953.350
Cộng	51.355.528.418
3. Doanh thu hoạt động tài chính	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	556.644.603
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	128.656.800
- Lãi chênh lệch tỷ giá	139.586.496
Cộng	824.887.899
4. Chi phí tài chính	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019
- Lãi tiền vay	2.556.991.654
Cộng	2.556.991.654
5. Chi phí bán hàng	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019
- Chi phí nhân viên	-
- Chi phí khác	92.664.974
Cộng	92.664.974

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Từ ngày 01/01/2019
đến ngày 30/06/2019

- Chi phí nhân viên quản lý	7.205.516.273
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.017.005.991
- Thuế, phí và lệ phí	281.351.562
- Chi phí quản lý khác	4.478.197.582
Cộng	12.982.071.408

6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Từ ngày 01/01/2019
đến ngày 30/06/2019

- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.311.038.283
- Chi phí nhân công	10.416.290.858
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.105.535.338
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.646.721.782
- Chi phí khác bằng tiền	6.734.279.733
Cộng	32.213.865.994

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về hoạt động liên tục

Tại ngày 30/6/2019, số lỗ lũy kế trên báo cáo Tổng hợp của Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - CTCP (Tổng Công ty) là hơn 213,044 tỷ đồng, tài sản ngắn hạn của Tổng Công ty nhỏ hơn nợ ngắn hạn khoảng 217,652 tỷ đồng. Ngày 12/7/2019 Cục thuế thành phố Hà Nội đã ra Quyết định số 54656/QĐ-CT-QLN về việc áp dụng cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn giá trị sử dụng đối với Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - CTCP. Đến thời điểm hiện tại thì việc cưỡng chế này vẫn đang được thi hành. Những yếu tố này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty. Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty phụ thuộc vào Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có thể thu xếp được các dòng tiền trong tương lai. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã đánh giá và tin tưởng rằng báo cáo tài chính kèm theo của Tổng Công ty được lập trên cơ sở giả định rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh liên tục, có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh bình thường của Tổng Công ty trong tương lai gần là phù hợp, Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động bình thường trong thời gian tới.

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

3. Thông tin về các bên liên quan

Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:

TT	Các bên liên quan	Mối quan hệ
1	Bộ Xây dựng	Chủ sở hữu
2	Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng số 2 Hà Bắc	Công ty con
3	Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Thái Bình	Công ty con
4	Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Sông Chu	Công ty con
5	Công ty Cổ phần Khóa Minh Khai	Công ty con
6	Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Lắp máy điện nước	Công ty con
7	Công ty TNHH MTV Xây lắp và Kinh doanh vật tư Thiết bị số 27	Công ty con
8	Công ty TNHH MTV Sản xuất - Xuất nhập khẩu và Dịch vụ Phát triển Nông thôn	Công ty con
9	Công ty Liên doanh Đồng hồ nước Zenner-Coma	Công ty liên doanh
10	Công ty Cổ phần Cơ khí và Đầu tư Xây dựng số 9	Công ty liên kết
11	Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và các cá nhân có liên quan đến các thành viên quản lý chủ chốt	Thành viên lãnh đạo chủ chốt

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Tổng Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan, các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

TT	Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (đồng)
1.	Công ty Liên doanh Đồng hồ nước Zenner-Coma	Công ty liên doanh	Doanh thu cho thuê văn phòng và phí dịch vụ	139.328.800
			Phí thương hiệu năm 2018	391.742.149
2.	Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng số 2 Hà Bắc	Công ty con	Giá trị hoàn thành đợt 2 dự án Cầu An Dương	1.872.577.358
3.	Công ty Cổ phần Khóa Minh Khai	Công ty con	Doanh thu cho thuê văn phòng và phí dịch vụ	6.568.325
			Phí thương hiệu năm 2017, 2018	75.713.864
4.	Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Lắp máy điện nước	Công ty con	Phí thương hiệu năm 2018	270.564.220
5.	Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Sông Chu	Công ty con	Lãi tiền vay vốn lưu động	551.880.000
			Phí thương hiệu năm 2018	246.950.251
6.	Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Thái Bình	Công ty con	Cổ tức, lợi nhuận năm 2018 nhận được	128.656.800
			Phí thương hiệu năm 2018	176.237.511

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

TT	Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Phải thu/(Phải trả) đồng
1.	Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng số 2 Hà Bắc	Công ty con	Phải thu khách hàng	160.756.159
			Người mua trả tiền trước	(26.612.532)
			Phải thu khác	430.916.364
			Phải trả người bán	(21.705.169.541)
2.	Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Thái Bình	Công ty con	Phải thu khác	322.517.822
			Phải trả người bán	(8.320.426.287)
3.	Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Sông Chu	Công ty con	Phải thu khách hàng	1.088.118.590
			Phải thu khác	1.077.782.276
			Trả trước cho người bán	10.000.000
			Phải trả người bán	(862.991.481)
4.	Công ty Cổ phần Khóa Minh Khai	Công ty con	Phải thu khác	16.901.306.805
			Phải trả khác	(97.704.013.510)
5.	Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Lắp máy điện nước	Công ty con	Phải thu khách hàng	54.704.750
			Phải thu khác	19.199.439.802
			Phải trả người bán	(7.811.613.492)
6.	Công ty TNHH MTV Xây lắp và Kinh doanh vật tư Thiết bị số 27	Công ty con	Phải thu khách hàng	972.530.933
			Phải thu khác	1.165.050.527
			Phải trả người bán	(692.604.419)
7.	Công ty Liên doanh Đồng hồ nước Zenner-Coma	Công ty liên doanh	Phải thu khác (tiền cổ tức)	378.200.000
8.	Bộ Xây dựng	Chủ sở hữu	Vay ngắn hạn	-

Tiền lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, thư ký HĐQT trong 6 tháng đầu năm 2019

TT	Bộ phận	Tiền lương	Thù lao	Tổng cộng
1	Hội đồng quản trị	503.557.739	-	503.557.739
2	Ban kiểm soát	93.042.330	-	93.042.330
Tổng cộng		596.600.068	-	596.600.068

4. Báo cáo bộ phận

a) Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động xây lắp	Hoạt động kinh doanh dịch vụ	Tổng cộng
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	47.938.765.106	17.160.138.571	65.098.903.677
Khấu hao và các chi phí phân bổ	43.287.575.068	8.067.953.350	51.355.528.418
Khấu hao và chi phí không phân bổ			13.074.736.382
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			668.638.877
Tài sản bộ phận	36.197.439.772	3.308.745.630	39.506.185.402
Tài sản không phân bổ			488.253.707.055
Tổng tài sản			527.759.892.457
Nợ phải trả bộ phận	252.401.588.727	902.764.192	253.304.352.919
Nợ phải trả không phân bổ			236.178.989.423
Tổng nợ phải trả			489.483.342.342

b) Theo khu vực địa lý

Hiện tại, hoạt động chính của Công ty là kinh doanh trong cùng một khu vực địa lý và loại hình kinh doanh xây lắp là chủ yếu. Do đó, không có Báo cáo bộ phận được trình bày.

5. Thông tin so sánh

Số dư đầu kỳ trên Bảng cân đối kế toán được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 chuyển sang ngày 01/01/2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C - Chi nhánh Hà Nội. Không có số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ do 06 tháng đầu năm 2018 không có Báo cáo tài chính đã được soát xét.

Hà Nội, ngày 01 tháng 10 năm 2019

Người lập biểu



Kiều Thị Nguyệt Nga

Phụ trách kế toán



Vũ Quang Hào

Tổng Giám đốc



Vũ Xuân Thắng